

Phụ lục I

DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH TÀI LIỆU, VĂN BẢN, HỒ SƠ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1	I. Hội đồng nhân dân tỉnh	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
2	II. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	H01	UBND	Cơ quan, tổ chức quy định ký hiệu cho bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực) thuộc cơ quan, tổ chức mình bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu. Ví dụ: - VP: Văn phòng Sở Nội vụ. - KHTC: Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nội vụ. - CCHC: Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ. - XDCQTNBĐG: Phòng Xây dựng chính quyền, Công tác thanh niên và Bình đẳng giới, Sở Nội vụ. - TCBC: Phòng Tổ chức biên chế, Sở Nội vụ. - CCVC: Phòng Công chức, viên chức, Sở Nội vụ.	Mã định danh tài liệu/văn bản bao gồm: [Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]+[Thời gian ban hành tài liệu/văn bản]+[số văn bản]+[Ký hiệu cơ quan/tổ chức]+[Tên loại văn bản/tài liệu]	Mã định danh hồ sơ bao gồm: [Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]+[năm hình thành HS]+[số hồ sơ]+[Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc].
	III. Sở, ban, ngành tỉnh				Trong đó: - Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND tỉnh và được tự động trên Hệ thống. - Số văn bản: Số thứ tự văn bản đăng ký tại văn thư cơ quan, đơn vị. - Tên loại văn bản/tài liệu nhận các giá trị từ 01 đến 32 theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục II Phụ lục I Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. * Lưu ý: - Các thành phần được phân định bởi dấu chấm; (.)	Trong đó: - Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND tỉnh và được tự động trên Hệ thống. - Số hồ sơ: được lấy theo Danh mục hồ sơ cơ quan/đơn vị. - Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc: chữ viết tắt tên phòng hoặc đơn vị, bộ phận thuộc cơ quan, tổ chức. * Lưu ý:
3	Sở Nội vụ	H01.01	SNV			
4	Sở Tài chính	H01.02	STC			
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H01.03	SNNMT			
6	Sở Văn hóa và Thể thao	H01.04	SVHTT			
7	Sở Khoa học và Công nghệ	H01.05	SKHCN			
8	Sở Công Thương	H01.06	SCT			
9	Sở Dân tộc và Tôn giáo	H01.07	SDTTG			
10	Thanh tra tỉnh	H01.08	TTT			
11	Sở Xây dựng	H01.09	SXD			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
12	Sở Y tế	H01.10	SYT	vụ. - VTLT: Phòng Văn thư - Lưu trữ, Sở Nội vụ. - LDVL: Phòng Lao động - Việc làm, Sở Nội vụ. - NCC: Phòng Người có công, Sở Nội vụ. ...	- Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ví dụ: Văn bản do Sở Nội vụ ban hành có mã định danh văn bản: H01.01.2025.01.01.100.22.SNV Trong đó: - H01.01 là Mã định danh điện tử của Sở Nội vụ. - 2025.01.01: ngày, tháng, năm ban hành văn bản. - 100: số văn bản đăng ký tại Văn thư. - 22: số giá trị đại diện cho Công văn. - SNV: ký hiệu của Sở Nội vụ.	- Các thành phần được phân định bởi dấu chấm (.). - Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ví dụ: Hồ sơ do Phòng Văn thư - Lưu trữ tham mưu Sở Nội vụ có mã định danh: H01.01.2025.01.VTLT Trong đó: - H01.01 là Mã định danh điện tử của Sở Nội vụ. - 2025: Năm hình thành hồ sơ. - 01: Số hồ sơ được lấy theo Danh mục hồ sơ cơ quan/đơn vị. - VTLT: ký hiệu của Phòng Văn thư - Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ.
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	H01.11	SGDĐT			
14	Sở Tư pháp	H01.12	STP			
15	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	H01.13	BQLKKT			
16	Văn phòng UBND tỉnh	H01.14	VPUT			
17	Sở Du lịch	H01.15	SDL			
18	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	H01.16	BQLKKTTPQ			
19	Vườn Quốc gia Phú Quốc	H01.17	VQGPQ			
20	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	H01.18	VQGUMT			
21	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	H01.19	TTXTĐTMMVDL			
22	Trung tâm Phát triển quỹ đất	H01.20	TTPTQĐ			
23	Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Núi Sam	H01.21	BQLKDLQGNS			
24	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	H01.22	HHDN			
25	Quỹ Đầu tư phát triển	H01.24	QĐTPT			
26	Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang	H01.25	QPCTT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
27	Trường Cao đẳng nghề An Giang	H01.29	TCĐN			
28	Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng - Giao thông	H01.30	BQLDAĐTXDGT			
29	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	H01.31	TTXTTMĐT			
30	Ban Quản lý di tích Óc Eo	H01.32	BQLDТОЕ			
31	Ban Quản lý dự án tỉnh	H01.33	BQLDA			
32	Hội Chữ thập đỏ	H01.34	HCTĐ			
33	Ban chỉ đạo Ứng phó với biến đổi khí hậu Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh An Giang	H01.35	BCĐKHТTCN			
34	Ban chỉ đạo 389 tỉnh An Giang	H01.36	BCĐ388			
35	Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật	H01.37	LHHVHNT			
36	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	H01.38	LHHKHKT			
37	Hội Chữ thập đỏ	H01.39	HCTĐ			
38	Hội Đông y	H01.40	HĐY			
39	Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh An Giang	H01.41	HBTKTBNNTE			
40	Hội Người cao tuổi	H01.42	HNCT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
41	Hội Luật gia	H01.43	HLG			
42	Hiệp Hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang	H01.44	HNNCBTS			
43	Hội Khuyến học	H01.45	HKH			
44	Hội Nhà báo	H01.46	HNB			
45	Liên minh Hợp tác xã	H01.47	LMHTX			
46	Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị tỉnh An Giang	H01.48	LHHTCHN			
47	Hội Nạn nhân chất độc da cam dioxin	H01.49	HNNCĐDC			
48	Hội Người tù kháng chiến	H01.50	HNTKC			
49	Hội Người mù	H01.51	HNM			
50	Công ty Cổ phần Điện nước An Giang	H01.63	CTĐN			
51	Công ty Cổ phần Xây lắp An Giang	H01.64	CTXL			
52	Công ty Cổ phần Phà An Giang	H01.65	CTPA			
53	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang	H01.66	CTCPMTĐT			
54	Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi An Giang	H01.67	CTKTTL			
55	Công ty TNHH MTV Xô sở Kiến thiết An Giang	H01.69	CTXS			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
56	Trường Cao đẳng Kiên Giang	H01.70	CĐNKG			
57	Trường Cao đẳng Y tế	H01.71	CĐYT			
58	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh An Giang	H01.72 (mã tạm)	BQLDACTNNNT			
	IV. Hội đồng nhân dân các xã, phường, đặc khu					
59	Pường Long Xuyên	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
60	Pường Bình Đức	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
61	Pườngg Mỹ Thới	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
62	Xã Mỹ Hòa Hưng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
63	Pường Châu Đốc	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
64	Pường Vĩnh Tế	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
65	Xã An Phú	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
66	Xã Vĩnh Hậu	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
67	Xã Nhơn Hội	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
68	Xã Khánh Bình	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
69	Xã Phú Hữu	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
70	Phường Tân Châu	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
71	Phường Long Phú	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
72	Xã Tân An	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
73	Xã Châu Phong	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
74	Xã Vĩnh Xương	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
75	Xã Phú Tân	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
76	Xã Phú An	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
77	Xã Bình Thạnh Đông	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
78	Xã Chợ Vàm	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
79	Xã Hòa Lạc	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
80	Xã Phú Lâm	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
81	Xã Mỹ Đức	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
82	Xã Vĩnh Thanh Trung	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
83	Xã Châu Phú	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
84	Xã Bình Mỹ	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
85	Xã Thạnh Mỹ Tây	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
86	Phường Thới Sơn	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
87	Phường Tịnh Biên	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
88	Xã An Cư	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
89	Phường Chi Lăng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
90	Xã Núi Cấm	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
91	Xã Ba Chúc	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
92	Xã Tri Tôn	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
93	Xã Ô Lâm	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
94	Xã Cô Tô	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
95	Xã Vĩnh Gia	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
96	Xã An Châu	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
97	Xã Bình Hòa	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
98	Xã Cần Đăng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
99	Xã Vĩnh Hanh	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
100	Xã Vĩnh An	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
101	Xã Cù Lao Giêng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
102	Xã Hội An	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
103	Xã Long Điền	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
104	Xã Chợ Mới	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
105	Xã Nhơn Mỹ	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
106	Xã Long Kiến	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
107	Xã Thoại Sơn	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
108	Xã Ốc Eo	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
109	Xã Định Mỹ	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
110	Xã Phú Hòa	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
111	Xã Vĩnh Trạch	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
112	Xã Tây Phú	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
113	Phường Rạch Giá	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
114	Phường Vĩnh Thông	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
115	Phường Hà Tiên	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
116	Phường Tô Châu	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
117	Xã Tiên Hải	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
118	Xã Kiên Lương	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
119	Xã Hòa Điền	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
120	Xã Sơn Hải	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
121	Xã Hòn Nghệ	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
122	Xã Hòn Đất	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
123	Xã Sơn Kiên	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
124	Xã Mỹ Thuận	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
125	Xã Bình Sơn	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
126	Xã Bình Giang	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
127	Xã Châu Thành	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
128	Xã Bình An	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
129	Xã Thạnh Lộc	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
130	Xã Tân Hiệp	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
131	Xã Thạnh Đông	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
132	Xã Tân Hội	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
133	Xã Giồng Riềng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
134	Xã Thạnh Hưng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
135	Xã Long Thạnh	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
136	Xã Hòa Hưng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
137	Xã Ngọc Chúc	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
138	Xã Hòa Thuận	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
139	Xã Gò Quao	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
140	Xã Định Hòa	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
141	Xã Vĩnh Hòa Hưng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
142	Xã Vĩnh Tuy	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
143	Xã An Biên	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
144	Xã Tây Yên	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
145	Xã Đông Thái	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
146	Xã An Minh	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
147	Xã Đông Hòa	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
148	Xã Tân Thạnh	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
149	Xã Đông Hưng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
150	Xã Vân Khánh	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
151	Xã U Minh Thượng	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
152	Xã Vĩnh Hòa	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
153	Xã Vĩnh Thuận	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
154	Xã Vĩnh Bình	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
155	Xã Vĩnh Phong	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
156	Xã Giang Thành	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
157	Xã Vĩnh Điều	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
158	Đặc khu Kiên Hải	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
159	Đặc khu Phú Quốc	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			
160	Đặc khu Thổ Châu	Cơ quan có thẩm quyền quy định	HĐND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	V. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu					
161	UBND phường Long Xuyên	H01.101	UBND	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quy định ký hiệu cho bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực) thuộc UBND bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, không trùng lặp.	Mã định danh tài liệu/văn bản bao gồm: <i>[Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]/[Thời gian ban hành tài liệu/văn bản]/[số văn bản]/[Ký hiệu cơ quan]/[Tên loại văn bản/tài liệu]</i> Trong đó: - Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND tỉnh và được tự động trên Hệ thống. - Số văn bản: Số thứ tự văn bản đăng ký tại văn thư cơ quan, đơn vị. - Tên loại văn bản/tài liệu nhận các giá trị từ 01 đến 32 theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục II Phụ lục I Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. * Lưu ý: - Các thành phần được phân định bởi dấu chấm. (.) - Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ví dụ: Văn bản do Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên ban hành	Mã định danh hồ sơ bao gồm: <i>[Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]/[năm hình thành HS]/[số hồ sơ]/[Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc]</i> Trong đó: - Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND tỉnh và được tự động trên Hệ thống. - Số hồ sơ: được lấy theo Danh mục hồ sơ cơ quan/đơn vị. - Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc: chữ viết tắt tên phòng hoặc đơn vị, bộ phận thuộc cơ quan, tổ chức. * Lưu ý: - Các thành phần được phân định bởi dấu chấm (.). - Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ
162	UBND phường Bình Đức	H01.102	UBND			
163	UBND phường Mỹ Thới	H01.103	UBND			
164	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	H01.104	UBND			
165	UBND Phường Châu Đốc	H01.105	UBND			
166	UBND phường Vĩnh Tế	H01.106	UBND			
167	UBND xã An Phú	H01.107	UBND			
168	UBND xã Vĩnh Hậu	H01.108	UBND			
169	UBND xã Nhơn Hội	H01.109	UBND			
170	UBND xã Khánh Bình	H01.110	UBND			
171	UBND xã Phú Hữu	H01.111	UBND			
172	UBND phường Tân Châu	H01.112	UBND			
173	UBND phường Long Phú	H01.113	UBND			
174	UBND xã Tân An	H01.114	UBND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
175	UBND xã Châu Phong	H01.115	UBND		có mã định danh văn bản: H01.101.2025.01.01.100.UBND.22	và Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
176	UBND xã Vĩnh Xương	H01.116	UBND		Trong đó:	Ví dụ: Hồ sơ công việc đang theo dõi, giải quyết thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội do Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên có mã định danh là: H01.101.2025.01.VHXXH Trong đó: - H01.101 là Mã định danh điện tử của Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên. - 2025.01.01: Ngày, tháng, năm ban hành văn bản. - 100: Số văn bản đăng ký tại Văn thư Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên. - UBND: ký hiệu của Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên. - 22: số giá trị đại diện cho Công văn.
177	UBND xã Phú Tân	H01.117	UBND			
178	UBND xã Phú An	H01.118	UBND			
179	UBND xã Bình Thạnh Đông	H01.119	UBND			
180	UBND xã Chợ Vàm	H01.120	UBND			
181	UBND xã Hòa Lạc	H01.121	UBND			
182	UBND xã Phú Lâm	H01.122	UBND			
183	UBND xã Mỹ Đức	H01.123	UBND			
184	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	H01.124	UBND			
185	UBND xã Châu Phú	H01.125	UBND			
186	UBND xã Bình Mỹ	H01.126	UBND			
187	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	H01.127	UBND			
188	UBND phường Thới Sơn	H01.128	UBND			
189	UBND phường Tịnh Biên	H01.129	UBND			
190	UBND xã An Cư	H01.130	UBND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
191	UBND phường Chi Lăng	H01.131	UBND			
192	UBND xã Núi Cấm	H01.132	UBND			
193	UBND xã Ba Chúc	H01.133	UBND			
194	UBND xã Tri Tôn	H01.134	UBND			
195	UBND xã Ô Lâm	H01.135	UBND			
196	UBND xã Cô Tô	H01.136	UBND			
197	UBND xã Vĩnh Gia	H01.137	UBND			
198	UBND xã An Châu	H01.138	UBND			
199	UBND xã Bình Hòa	H01.139	UBND			
200	UBND xã Cần Đăng	H01.140	UBND			
201	UBND xã Vĩnh Hanh	H01.141	UBND			
202	UBND xã Vĩnh An	H01.142	UBND			
203	UBND xã Cù Lao Giêng	H01.143	UBND			
204	UBND xã Hội An	H01.144	UBND			
205	UBND xã Long Điền	H01.145	UBND			
206	UBND xã Chợ Mới	H01.146	UBND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
207	UBND xã Nhơn Mỹ	H01.147	UBND			
208	UBND xã Long Kiến	H01.148	UBND			
209	UBND xã Thoại Sơn	H01.149	UBND			
210	UBND xã Ốc Eo	H01.150	UBND			
211	UBND xã Định Mỹ	H01.151	UBND			
212	UBND xã Phú Hòa	H01.152	UBND			
213	UBND xã Vĩnh Trạch	H01.153	UBND			
214	UBND xã Tây Phú	H01.154	UBND			
215	UBND phường Rạch Giá	H01.155	UBND			
216	UBND phường Vĩnh Thông	H01.156	UBND			
217	UBND phường Hà Tiên	H01.157	UBND			
218	UBND phường Tô Châu	H01.158	UBND			
219	UBND xã Tiên Hải	H01.159	UBND			
220	UBND xã Kiên Lương	H01.160	UBND			
221	UBND xã Hòa Điền	H01.161	UBND			
222	UBND xã Sơn Hải	H01.162	UBND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
223	UBND xã Hòn Nghê	H01.163	UBND			
224	UBND xã Hòn Đất	H01.164	UBND			
225	UBND xã Sơn Kiên	H01.165	UBND			
226	UBND xã Mỹ Thuận	H01.166	UBND			
227	UBND xã Bình Sơn	H01.167	UBND			
228	UBND xã Bình Giang	H01.168	UBND			
229	UBND xã Châu Thành	H01.169	UBND			
230	UBND xã Bình An	H01.170	UBND			
231	UBND xã Thạnh Lộc	H01.171	UBND			
232	UBND xã Tân Hiệp	H01.172	UBND			
233	UBND xã Thạnh Đông	H01.173	UBND			
234	UBND xã Tân Hội	H01.174	UBND			
235	UBND xã Giồng Riềng	H01.175	UBND			
236	UBND xã Thạnh Hưng	H01.176	UBND			
237	UBND xã Long Thạnh	H01.177	UBND			
238	UBND xã Hòa Hưng	H01.178	UBND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
239	UBND xã Ngọc Chúc	H01.179	UBND			
240	UBND xã Hòa Thuận	H01.180	UBND			
241	UBND xã Gò Quao	H01.181	UBND			
242	UBND xã Định Hòa	H01.182	UBND			
243	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	H01.183	UBND			
244	UBND xã Vĩnh Tuy	H01.184	UBND			
245	UBND xã An Biên	H01.185	UBND			
246	UBND xã Tây Yên	H01.186	UBND			
247	UBND xã Đông Thái	H01.187	UBND			
248	UBND xã An Minh	H01.188	UBND			
249	UBND xã Đông Hòa	H01.189	UBND			
250	UBND xã Tân Thạnh	H01.190	UBND			
251	UBND xã Đông Hưng	H01.191	UBND			
252	UBND xã Vân Khánh	H01.192	UBND			
253	UBND xã U Minh Thượng	H01.193	UBND			
254	UBND xã Vĩnh Hòa	H01.194	UBND			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
255	UBND xã Vĩnh Thuận	H01.195	UBND			
256	UBND xã Vĩnh Bình	H01.196	UBND			
257	UBND xã Vĩnh Phong	H01.197	UBND			
258	UBND xã Giang Thành	H01.198	UBND			
259	UBND xã Vĩnh Điều	H01.199	UBND			
260	Đặc khu Kiên Hải	H01.200	UBND			
261	Đặc khu Phú Quốc	H01.201	UBND			
262	Đặc khu Thổ Châu	H01.202	UBND			
	VI. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành					
	Sở Nội vụ	H01.01	SNV	Cơ quan, tổ chức quy định ký hiệu cho bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực) thuộc cơ quan, tổ chức mình bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu.	Mã định danh tài liệu/văn bản bao gồm: [Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]/[Thời gian ban hành tài liệu/văn bản]/[số văn bản]/[Ký hiệu cơ quan]/[Tên loại văn bản/tài liệu] Trong đó: - Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND tỉnh và được tự động trên Hệ thống. - Số văn bản: Số thứ tự văn bản đăng ký tại văn thư cơ quan, đơn	Mã định danh hồ sơ bao gồm: [Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức]/[năm hình thành HS]/[số hồ sơ]/[Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc]. Trong đó: - Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của UBND tỉnh và được tự động trên Hệ
263	Trung tâm Dịch vụ việc làm	H01.01.01	TTDVVL			
264	Trung tâm Điều dưỡng người có công và Quản lý nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	H01.01.02	TTĐDQLNTLS			
265	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	H01.01.03	TTLTLS			
	Sở Tài chính	H01.02	STC			
266	Trung tâm Tư vấn đầu thầu và Dịch vụ tài chính	H01.02.01	TTTVĐTTC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
267	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp	H01.02.03	TTXTĐTĐDN		vị. - Tên loại văn bản/tài liệu nhận các giá trị từ 01 đến 32 theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục II Phụ lục I Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. * Lưu ý: - Các thành phần được phân định bởi dấu chấm. (.) - Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	thống. - Số hồ sơ: được lấy theo Danh mục hồ sơ cơ quan/đơn vị. - Ký hiệu đơn vị/bộ phận thuộc: chữ viết tắt tên phòng hoặc đơn vị, bộ phận thuộc cơ quan, tổ chức. * Lưu ý: - Các thành phần được phân định bởi dấu chấm (.). - Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
268	Phòng Doanh nghiệp – Hợp tác đầu tư	H01.02.04	PDNHTĐT			
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H01.03	SNNMT			
269	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	H01.03.01	CCTTBVTV			
270	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	H01.03.02	CCCNTY			
271	Chi cục Thủy lợi	H01.03.03	CCTL			
272	Chi cục Kiểm lâm	H01.03.04	CCKL			
273	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	H01.03.05	CCPTNTQLCL			
274	Chi cục Khoáng sản và Tài nguyên nước	H01.03.06	CCKSTNN			
275	Chi cục Quản lý đất đai	H01.03.07	CCQLĐĐ			
276	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	H01.03.08	CCTSKN			
277	Chi cục Bảo vệ môi trường	H01.03.09	CCBVMT			
278	Chi cục Biển và Hải đảo	H01.03.10	CCBVHĐ			
279	Văn phòng Đăng ký đất đai	H01.03.11	VPĐKĐĐ			
280	Trung tâm Khuyến nông	H01.03.12	TTKN			
281	Trung tâm Giống nông lâm ngư nghiệp	H01.03.13	TTGNLNN			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
282	Ban Quản lý rừng An Giang – Khu vực I	H01.03.14	BQLRAGKVI			
283	Ban Quản lý rừng An Giang – Khu vực II	H01.03.15	BQLRAGKVII			
284	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	H01.03.16	TTNSVSMTNT			
285	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	H01.03.17	TTQTTNMT			
286	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường	H01.03.18	TTKTTNMT			
287	Ban Quản lý Cảng cá	H01.03.19	BQLCC			
288	Ban Quản lý Khu Bảo tồn Biển	H01.03.20	BQLKBTB			
289	Trung tâm Đăng kiểm tàu cá	H01.03.21	TTĐKTC			
290	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	H01.03.22	VPĐPNTM			
291	Quỹ bảo vệ môi trường	H01.03.23	QBVMT			
	Sở Văn hóa và Thể thao	H01.04	SVHTT			
292	Thư viện tỉnh	H01.04.01	TV			
293	Bảo tàng tỉnh	H01.04.02	BT			
294	Đoàn Nghệ thuật Khmer tỉnh	H01.04.03	ĐNTKT			
295	Trung tâm Văn hóa – Nghệ thuật tỉnh	H01.04.04	TTVHNTT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
296	Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh	H01.04.05	TTĐTHLTĐTT			
297	Ban Quản lý di tích tỉnh	H01.04.06	BQLDT			
	Sở Khoa học và Công nghệ	H01.05	SKHCN			
298	Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	H01.05.01	TTKHCNĐMST			
299	Trung tâm Chuyển đổi số	H01.05.02	TTCĐS			
300	Trung tâm Công nghệ sinh học	H01.05.03	TTCNSH			
	Sở Công thương	H01.06	SCT			
301	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	H01.06.01	TTKCTVCN			
302	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh An Giang	H01.06.02	CCQLTT			
	Sở Xây dựng	H01.09	SXD			
303	Trung tâm tư vấn và Kiểm định Xây dựng	H01.09.01	TTTVKĐXD			
304	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ An Giang	H01.09.02	TTĐKPTTB			
305	Ban Quản lý Bảo trì đường bộ	H01.09.03	BQLBTĐB			
306	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giao thông vận tải An Giang	H01.09.04	TTGDNNGTVT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
307	Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh An Giang	H01.09.05	CVĐTND			
308	Bến xe khách Châu đốc	H01.09.06	BXKCĐ			
	Sở Y tế	H01.10	SYT			
309	Bệnh viện đa khoa An Giang	H01.10.01	BVĐKAG			
310	Bệnh viện đa khoa Châu đốc	H01.10.02	BVĐKCĐ			
311	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	H01.10.03	BVĐKKVTC			
312	Bệnh viện Tim mạch	H01.10.04	BVTM			
313	Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt	H01.10.05	BVMTMHRHM			
314	Bệnh viện Sản Nhi An Giang	H01.10.06	BVSNAG			
315	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh An Giang	H01.10.07	TTKNTMPTP			
316	Trung tâm Giám định Y khoa	H01.10.08	TTGDYK			
317	Trung tâm Pháp Y	H01.10.09	TTPY			
318	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	H01.10.10	TTKSBT			
319	Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh An Giang	H01.10.11	BVYDCT			
320	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	H01.10.12	BVĐKKG			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
321	Bệnh viện Sản-Nhi Kiên Giang	H01.10.13	BVSNKG			
322	Trung tâm Bảo trợ xã hội Kiên Giang	H01.10.14	TTBTXHKG			
323	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	H01.10.15	TTBTXH			
324	Trung tâm Y tế Thoại Sơn	H01.10.16	TTYTTS			
325	Trung tâm Y tế Long Xuyên	H01.10.17	TTYTLX			
326	Trung tâm Y tế Châu Đốc	H01.10.18	TTYTCĐ			
327	Trung tâm Y tế Tân Châu	H01.10.19	TTYTTC			
328	Trung tâm Y tế An Phú	H01.10.20	TTYTAP			
329	Trung tâm Y tế Châu Thành	H01.10.21	TTYTCT			
330	Trung tâm Y tế Châu Phú	H01.10.22	TTYT CP			
331	Trung tâm Y tế Phú Tân	H01.10.23	TTYTPT			
332	Trung tâm Y tế Chợ Mới	H01.10.24	TTYTCM			
333	Trung tâm Y tế Tri Tôn	H01.10.25	TTYTTT			
334	Trung tâm Y tế Tịnh Biên	H01.10.26	TTYTTB			
335	Chi Cục dân số	H01.10.27	CCDS			
336	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh An Giang	H01.10.28	CCATTP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
337	Bệnh viện Ung bướu	H01.10.29	BVUB			
338	Bệnh viện Tâm thần	H01.10.30	BVTT			
339	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	H01.10.31	BVLP			
340	Bệnh viện y dược cổ truyền	H01.10.32	BVYDCT			
341	Trung tâm Y tế Rạch Giá	H01.10.33	TTYTRG			
342	Trung tâm Y tế Hà Tiên	H01.10.34	TTYTHT			
343	Trung tâm Y tế Kiên Lương	H01.10.35	TTYTKL			
344	Trung tâm Y tế Giang Thành	H01.10.36	TTYTGT			
345	Trung tâm Y tế Hòn Đất	H01.10.37	TTYTHĐ			
346	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	H01.10.38	TTYTTH			
347	Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang	H01.10.39	TTYTCTKG			
348	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	H01.10.40	TTYTGR			
349	Trung tâm Y tế Gò Quao	H01.10.41	TTYTGQ			
350	Trung tâm Y tế An Biên	H01.10.42	TTYTAB			
351	Trung tâm Y tế An Minh	H01.10.43	TTYTAM			
352	Trung tâm Y tế U Minh Thượng	H01.10.44	TTYTUMT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
353	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	H01.10.45	TTYTVT			
354	Trung tâm Y tế Phú Quốc	H01.10.46	TTYTPQ			
355	Trung tâm Y tế Kiên Hải	H01.10.47	TTYTKH			
356	Trường Cao đẳng y tế	H01.10.48	TCĐYT			
	Sở Giáo dục và Đào tạo	H01.11	SGDVĐT			
357	THPT Long Xuyên	H01.11.01	THPTLX			
358	THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu	H01.11.02	THPTTNH			
359	THPT Nguyễn Công Trứ	H01.11.03	THPTNCT			
360	THPT Nguyễn Hiền	H01.11.04	THPTNH			
361	THCS và THPT Mỹ Hoà Hưng	H01.11.05	THCSPTMHH			
362	THPT Chương Bính Lễ	H01.11.06	THPTCBL			
363	PT ISchool Long Xuyên	H01.11.07	ISCHOOL			
364	Phổ thông Thực hành sư phạm	H01.11.08	PTTHSP			
365	Phổ thông Quốc tế GIS	H01.11.09	PTQTGIS			
366	Trường PT DTNT THPT An Giang	H01.11.10	PTDTNT			
367	THPT Võ Thị Sáu	H01.11.11	THPTVTS			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
368	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa	H01.11.12	THPTTKN			
369	THPT Châu Thị Tế	H01.11.13	THPTCTT			
370	THPT Quốc Thái	H01.11.14	THPTQT			
371	THPT An Phú	H01.11.15	THPTAP			
372	THCS và THPT Vĩnh Lộc	H01.11.16	THCSPTVL			
373	THPT Nguyễn Quang Diêu	H01.11.17	THPTNQD			
374	THPT Nguyễn Sinh Sắc	H01.11.18	THPTNSS			
375	THPT Châu Phong	H01.11.19	THPTCP			
376	THPT Vĩnh Xương	H01.11.20	THPTVX			
377	THPT Tân Châu	H01.11.21	THPTTC			
378	THPT Bình Thạnh Đông	H01.11.22	THPTBTĐ			
379	THPT Hoà Lạc	H01.11.23	THPTL			
380	THPT Nguyễn Chí Thanh	H01.11.24	THPTNCT			
381	THPT Chu Văn An	H01.11.25	THPTCVA			
382	THCS và THPT Phú Tân	H01.11.26	THCSPTPT			
383	THPT Trần Văn Thành	H01.11.27	THPTTVT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
384	THPT Thanh Mỹ Tây	H01.11.28	THPTTMT			
385	THPT Bình Mỹ	H01.11.29	THPTBM			
386	THPT Châu Phú	H01.11.30	THPTCP			
387	THCS và THPT Bình Long	H01.11.31	THCSPTBL			
388	THPT Chi Lăng	H01.11.32	THPTCL			
389	THPT Xuân Tô	H01.11.33	THPTXT			
390	THPT Tịnh Biên	H01.11.34	THPTTB			
391	THPT Ba Chúc	H01.11.35	THPTBC			
392	THPT Nguyễn Trung Trực	H01.11.36	THPTNTT			
393	THCS và THPT Cô Tô	H01.11.37	THCSPTCT			
394	THPT Cần Đăng	H01.11.38	THPTCĐ			
395	THPT Vĩnh Bình	H01.11.39	THPTVB			
396	THPT Nguyễn Bình Khiêm	H01.11.40	THPTNBK			
397	THPT Võ Thành Trinh	H01.11.41	THPTVTT			
398	THPT Nguyễn Văn Hưởng	H01.11.42	THPTNVH			
399	THPT Ung Văn Khiêm	H01.11.43	THPTUVK			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
400	THPT Lương Văn Cù	H01.11.44	THPTLVC			
401	THPT Huỳnh Thị Hường	H01.11.45	THPTHTH			
402	THPT Châu Văn Liêm	H01.11.46	THPTCVL			
403	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	H01.11.47	THPTNHC			
404	THPT Vọng Thê	H01.11.48	THPTVT			
405	THPT Vĩnh Trạch	H01.11.49	THPTVT			
406	THPT Nguyễn Khuyến	H01.11.50	THPTNK			
407	THPT Nguyễn Văn Thoại	H01.11.51	THPTNVT			
408	Trường Trẻ em khuyết tật	H01.11.52	TTEKT			
409	THCS và THPT Bình Chánh	H01.11.53	THCSPTBC			
410	THCS và THPT Long Bình	H01.11.54	THCSPTLB			
411	THCS và THPT Vĩnh Nhuận	H01.11.55	THCSPTVN			
412	Trung tâm GDTX tỉnh An Giang	H01.11.56	TTGDTXTAG			
413	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú	H01.11.57	TTCNDTNT			
414	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang	H01.11.58	TTCKTCN			
415	Trường Trung cấp Kỹ Thuật - Tổng hợp An Giang	H01.11.59	TTCKTTH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	Sở Tư pháp	H01.12	STP			
416	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	H01.12.01	TTDVĐGTS			
417	Phòng Công chứng số 1 An Giang	H01.12.02	PCCS1AG			
418	Phòng Công chứng số 2 An Giang	H01.12.03	PCCS2AG			
419	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	H01.12.04	TTTGPLNNS1			
420	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2	H01.12.05	TTTGPLNNS2			
421	Phòng Công chứng số 01 Kiên Giang	H01.12.06	PCCS1KG			
	Ban Quản lý Khu kinh tế	H01.13	BQLKKT			
422	Ban Quản lý khu thương mại Tịnh Biên	H01.13.01	BQLKTM TB			
423	Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu Kinh tế	H01.13.02	TTPTHTKKT			
424	Ban Quản lý cửa khẩu Khánh Bình	H01.13.03	BQLCKKB			
425	Ban Quản lý cửa khẩu Tịnh Biên	H01.13.04	BQLCKTB			
426	Ban Quản lý cửa khẩu Vĩnh Xương	H01.13.05	BQLCKVX			
427	Ban Quản lý các Khu kinh tế cửa khẩu An Giang	H01.13.06	BQLKKTCK			
	Văn phòng UBND tỉnh	H01.14	VPUBND			
428	Trung tâm Công báo - Tin học	H01.14.01	TTCBTH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
429	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh	H01.14.02	NKVPU			
430	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang	H01.14.03	TTPVHCC			
431	Ban Tiếp công dân tỉnh An Giang	H01.14.04	BTCD			
432	Trung tâm Phục vụ Hội nghị	H01.14.05	TTPVHN			
	Ban Quản lý dự án tỉnh	H01.33	BQLDA			
433	Quản lý dự án Khu vực I	H01.33.01	BQLDAKVI			
434	Quản lý dự án Khu vực II	H01.33.02	BQLDAKVII			
435	Quản lý dự án Khu vực III	H01.33.03	BQLDAKVIII			
436	Quản lý dự án Khu vực IV	H01.33.04	BQLDAKVIV			
	Hội Chữ thập đỏ	H01.34				
437	Trung tâm giáo dục trẻ mồ côi và Người già cô đơn TP Long Xuyên	H01.34.01	TTTMCNG			
	Trường Cao đẳng Kiên Giang	H01.70				
438	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe	H01.70.01	TTĐTSHLX			
	Quỹ Đầu tư Phát triển	H01.24				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
439	Quỹ Phát triển đất	H01.24.01 (mã tạm)	QPTĐ			
440	Quỹ bảo lãnh Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa	H01.24.02 (mã tạm)	QBLDN			
	VII. Cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã, phường, đặc khu					
	UBND phường Long Xuyên	H01.101	UBNDPLX			
441	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Long Xuyên	H01.101.01	TTHCC			
442	Văn phòng HĐND và UBND	H01.101.02	VP			
443	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.101.03	PKTHTĐT			
444	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.101.04	PVHXXH			
445	Nhà trẻ Măng Non	H01.101.05	NTMN			
446	Mầm non Tuổi thơ	H01.101.06	MNTT			
447	Mẫu giáo Hướng Dương	H01.101.07	MGHD			
448	Mầm non Hoa Phượng	H01.101.08	MNHP			
449	Mẫu giáo Hoa Sen	H01.101.09	MGHS			
450	Mẫu giáo Hoa Lan	H01.101.10	MGHL			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
451	Mẫu giáo Hoa Mai	H01.101.11	MGHM			
452	Mẫu giáo Hoa Cúc	H01.101.12	MGHC			
453	Mẫu giáo Hoa Đào	H01.101.13	MGHĐ			
454	Mẫu giáo Mai Vàng	H01.101.14	MGMV			
455	Mẫu giáo Hoàng Lan	H01.101.15	MGHL			
456	Tiểu học Nguyễn Du	H01.101.16	THND			
457	Tiểu học Lê Lợi	H01.101.17	THLL			
458	Tiểu học Lê Văn Nhung	H01.101.18	THLVN			
459	Tiểu học Lê Quý Đôn	H01.101.19	THLQĐ			
460	Tiểu học Châu Văn Liêm	H01.101.20	THCVL			
461	Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	H01.101.21	THNBK			
462	Tiểu học Chu Văn An	H01.101.22	THCVA			
463	Tiểu học Phạm Hồng Thái	H01.101.23	THPHT			
464	Tiểu học Trần Quốc Toản	H01.101.24	THTQT			
465	Tiểu học Trịnh Hoài Đức	H01.101.25	THTHĐ			
466	Tiểu học Bùi Thị Xuân	H01.101.26	THBTX			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
467	Tiểu học Nguyễn Khuyến	H01.101.27	THNK			
468	THCS Hùng Vương	H01.101.28	THCSHV			
469	THCS Lý Thường Kiệt	H01.101.29	THCSLTK			
470	THCS Mạc Đình Chi	H01.101.30	THCSMĐC			
471	THCS Bùi Hữu Nghĩa	H01.101.31	THCSBHN			
472	THCS Nguyễn Trãi	H01.101.32	THCSNT			
473	THCS Mỹ Quý	H01.101.33	THCSMQ			
474	THCS Triệu Thị Trinh	H01.101.34	THCSTTT			
	UBND phường Bình Đức	H01.102				
475	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Bình Đức	H01.102.01	TTHCC			
476	Văn phòng HĐND và UBND	H01.102.02	VP			
477	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.102.03	PKTHTĐT			
478	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.102.04	PVHXH			
479	Mẫu giáo Hoà Mĩ	H01.102.05	MGHM			
480	Mẫu giáo Vành Khuyên	H01.102.06	MGVK			
481	Mẫu giáo Vàng Anh	H01.102.07	MGVA			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
482	Tiểu học Lương Thế Vinh	H01.102.08	THLTV			
483	Tiểu học Hàm Nghi	H01.102.09	THHN			
484	Tiểu học Võ Trường Toản	H01.102.10	THVTT			
485	Tiểu học Phan Bội Châu	H01.102.11	THPBC			
486	Tiểu học Phan Chu Trinh	H01.102.12	THPCT			
487	Tiểu học Lê Văn Tám	H01.102.13	THLVT			
488	THCS Trần Hưng Đạo	H01.102.14	THCSTHD			
489	THCS Phan Văn Trị	H01.102.15	THCSPVT			
490	THCS Bình Khánh	H01.102.16	THCSBK			
	UBND phường Mỹ Thới	H01.103	UPMT			
491	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Mỹ Thới	H01.103.01	TTHCC			
492	Văn phòng HĐND và UBND	H01.103.02	VP			
493	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.103.03	PKTHTĐT			
494	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.103.04	PVHXH			
495	Mẫu giáo Hoàng Oanh	H01.103.05	MGHO			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
496	Mẫu giáo Hoa Hồng	H01.103.06	MGHH			
497	Tiểu học Lê Hồng Phong	H01.103.07	THLHP			
498	Tiểu học Trần Quang Khải	H01.103.08	THTQK			
499	Tiểu học Trần Phú	H01.103.09	THTP			
500	Tiểu học Nguyễn Văn Cưng	H01.103.10	THNVC			
501	Tiểu học Võ Thị Sáu	H01.103.11	THVTS			
502	THCS Nguyễn Huệ	H01.103.12	THCSNH			
503	THCS Mỹ Thới	H01.103.13	THCSMT			
	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	H01.104	UXMHH			
504	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mỹ Hòa Hưng	H01.104.01	TTHCC			
505	Văn phòng HĐND và UBND	H01.104.02	VP			
506	Phòng Kinh tế - Xã hội	H01.104.03	PKTXH			
507	Mẫu giáo Hoàng Yến	H01.104.04	MGHY			
508	Mẫu giáo Đoàn Thị Giàu	H01.104.05	MGĐTĐG			
509	Tiểu học Nguyễn Hữu Cánh	H01.104.06	THNHC			
510	Tiểu học Đoàn Thị Diễm	H01.104.07	THĐTĐ			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
511	Tiểu học Nguyễn Trung Trực	H01.104.08	THNTT			
512	THCS Ngô Gia Tự	H01.104.09	THCSNGT			
	UBND Phường Châu Đốc	H01.105	UPCĐ			
513	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Châu Đốc	H01.105.01	TTHCC			
514	Văn phòng HĐND và UBND	H01.105.02	VP			
515	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.105.03	PKTHTVĐT			
516	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.105.04	PVHXXH			
	UBND phường Vĩnh Tế	H01.106	UPVT			
517	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Vĩnh Tế	H01.106.01	TTHCC			
518	Văn phòng HĐND và UBND	H01.106.02	VP			
519	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.106.03	PKTHTĐT			
520	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.106.04	PVHXXH			
	UBND xã An Phú	H01.107				
521	Trung tâm phục vụ hành chính công xã An Phú	H01.107.01	TTHCC			
522	Văn phòng HĐND và UBND	H01.107.02	VP			
523	Phòng Kinh tế	H01.107.03	PKT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
524	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.107.04	PVHXXH			
525	Trường Mầm non An Phú	H01.107.05	MNAP			
526	Trường Mẫu giáo Phú Hội	H01.107.06	MGPH			
527	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hội Đông	H01.107.07	MGVHĐ			
528	Trường Tiểu học A An Phú	H01.107.08	THAAP			
529	Trường Tiểu học B An Phú	H01.107.09	THBAP			
530	Trường Tiểu học A Phú Hội	H01.107.10	THAPH			
531	Trường Tiểu học B Phú Hội	H01.107.11	THBPH			
532	Trường Tiểu học C Phú Hội	H01.107.12	THCPH			
533	Trường Tiểu học A Vĩnh Hội Đông	H01.107.13	THAVHĐ			
534	Trường Tiểu học B Vĩnh Hội Đông	H01.107.14	THBVHĐ			
535	Trường THCS An Phú	H01.107.15	THCSAP			
536	Trường THCS Phú Hội	H01.107.16	THCSPH			
537	Trường THCS Vĩnh Hội Đông	H01.107.17	THCSVHĐ			
	UBND xã Vĩnh Hậu	H01.108	UXVH			
538	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Hậu	H01.108.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
539	Văn phòng HĐND và UBND	H01.108.02	VP			
540	Phòng Kinh tế	H01.108.03	PKT			
541	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.108.04	PVHXH			
542	Trường Mầm non Vĩnh Trường	H01.108.05	MNVT			
543	Trường Mẫu giáo Đa Phước	H01.108.06	MGDP			
544	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hậu	H01.108.07	MGVH			
545	Trường Tiểu học A Đa Phước	H01.108.08	THADP			
546	Trường Tiểu học B Đa Phước	H01.108.09	THBDP			
547	Trường Tiểu học C Đa Phước	H01.108.10	THCDP			
548	Trường Tiểu học A Vĩnh Hậu	H01.108.11	THAVH			
549	Trường Tiểu học B Vĩnh Hậu	H01.108.12	THBVH			
550	Trường Tiểu học A Vĩnh Trường	H01.108.13	THAVT			
551	Trường Tiểu học B Vĩnh Trường	H01.108.14	THBVT			
552	Trường THCS Vĩnh Trường	H01.108.15	THCSVT			
553	Trường THCS Đa Phước	H01.108.16	THCSDP			
554	Trường THCS Vĩnh Hậu	H01.108.17	THCSVH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	UBND xã Nhơn Hội	H01.109				
555	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Nhơn Hội	H01.109.01	TTHCC			
556	Văn phòng HĐND và UBND	H01.109.02	VPHVU			
557	Phòng Kinh tế	H01.109.03	PKT			
558	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.109.04	PVHXXH			
559	Trường Mẫu giáo Nhơn Hội	H01.109.05	MGNH			
560	Trường Mẫu giáo Phước Hưng	H01.109.06	MGPH			
561	Trường Mẫu giáo Quốc Thái	H01.109.07	MGQT			
562	Trường Tiểu học A Nhơn Hội	H01.109.08	THANH			
563	Trường Tiểu học B Nhơn Hội	H01.109.09	THBNH			
564	Trường Tiểu học Phước Hưng	H01.109.10	THPH			
565	Trường THCS Nhơn Hội	H01.109.11	THCSNH			
566	Trường THCS Phước Hưng	H01.109.12	THCSPH			
567	Trường THCS Quốc Thái	H01.109.13	THCSQT			
	UBND xã Khánh Bình	H01.110				
568	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Khánh Bình	H01.110.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
569	Văn phòng HĐND và UBND	H01.110.02	VP			
570	Phòng Kinh tế	H01.110.03	PKT			
571	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.110.04	PVHXH			
572	Trường Mầm non Long Bình	H01.110.05	MNLB			
573	Trường Mẫu giáo Khánh An	H01.110.06	MGKA			
574	Trường Mẫu giáo Khánh Bình	H01.110.07	MGKB			
575	Trường Tiểu học A Khánh An	H01.110.08	THAKA			
576	Trường Tiểu học B Khánh An	H01.110.09	THBKA			
577	Trường Tiểu học A Khánh Bình	H01.110.10	THAKB			
578	Trường Tiểu học B Khánh Bình	H01.110.11	THBKB			
579	Trường Tiểu học A Long Bình	H01.110.12	THALB			
580	Trường Tiểu học B Long Bình	H01.110.13	THBLB			
581	Trường Tiểu học A Quốc Thái	H01.110.14	THAQT			
582	Trường Tiểu học B Quốc Thái	H01.110.15	THBQT			
583	Trường Tiểu học C Quốc Thái	H01.110.16	THCQT			
584	Trường THCS Khánh An	H01.110.17	THCSKA			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
585	Trường THCS Khánh Bình	H01.110.18	THCSKB			
	UBND xã Phú Hữu	H01.111				
586	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phú Hữu	H01.111.01	TTHCC			
587	Văn phòng HĐND và UBND	H01.111.02	VP			
588	Phòng Kinh tế	H01.111.03	PKT			
589	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.111.04	PVHXH			
590	Trường Mẫu giáo Phú Hữu	H01.111.05	TMGPH			
591	Trường Mẫu giáo Vĩnh Lộc	H01.111.06	MGVL			
592	Trường Tiểu học A Phú Hữu	H01.111.07	THAPH			
593	Trường Tiểu học B Phú Hữu	H01.111.08	THBPH			
594	Trường Tiểu học D Phú Hữu	H01.111.09	THDPH			
595	Trường Tiểu học A Vĩnh Lộc	H01.111.10	THAVL			
596	Trường Tiểu học B Vĩnh Lộc	H01.111.11	THBVL			
597	Trường THCS Phú Hữu	H01.111.12	THCSPH			
	UBND phường Tân Châu	H01.112				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
598	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Tân Châu	H01.112.01	TTHCC			
599	Văn phòng HĐND và UBND	H01.112.02	VP			
600	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.112.03	PKTHTĐT			
601	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.112.04	PVHXXH			
	UBND phường Long Phú	H01.113	UPLP			
602	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Long Phú	H01.113.01	TTHCC			
603	Văn phòng HĐND và UBND	H01.113.02	VP			
604	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.113.03	PKTHTĐT			
605	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.113.04	PVHXXH			
	UBND xã Tân An	H01.114				
606	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Tân An	H01.114.01	TTHCC			
607	Văn phòng HĐND và UBND	H01.114.02	VP			
608	Phòng Kinh tế	H01.114.03	PKT			
609	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.114.04	PVHXXH			
	UBND xã Châu Phong	H01.115				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
610	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Châu Phong	H01.115.01	TTHCC			
611	Văn phòng HĐND và UBND	H01.115.02	VP			
612	Phòng Kinh tế	H01.115.03	PKT			
613	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.115.04	PVHXXH			
	UBND xã Vĩnh Xương	H01.116				
614	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Xương	H01.116.01	TTHCC			
615	Văn phòng HĐND và UBND	H01.116.02	VP			
616	Phòng Kinh tế	H01.116.03	PKT			
617	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.116.04	PVHXXH			
	UBND xã Phú Tân	H01.117				
618	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phú Tân	H01.117.01	TTHCC			
619	Văn phòng HĐND và UBND	H01.117.02	VP			
620	Phòng Kinh tế	H01.117.03	PKT			
621	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.117.04	PVHXXH			
	UBND xã Phú An	H01.118				
622	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phú An	H01.118.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
623	Văn phòng HĐND và UBND	H01.118.02	VP			
624	Phòng Kinh tế	H01.118.03	PKT			
625	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.118.04	PVHXXH			
	UBND xã Bình Thạnh Đông	H01.119				
626	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Bình Thạnh Đông	H01.119.01	TTHCC			
627	Văn phòng HĐND và UBND	H01.119.02	VP			
628	Phòng Kinh tế	H01.119.03	PKT			
629	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.119.04	PVHXXH			
	UBND xã Chợ Vàm	H01.120				
630	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Chợ Vàm	H01.120.01	TTHCC			
631	Văn phòng HĐND và UBND	H01.120.02	VP			
632	Phòng Kinh tế	H01.120.03	PKT			
633	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.120.04	PVHXXH			
	UBND xã Hòa Lạc	H01.121				
634	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hòa Lạc	H01.121.01	TTHCC			
635	Văn phòng HĐND và UBND	H01.121.02	VP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
636	Phòng Kinh tế	H01.121.03	PKT			
637	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.121.04	PVHXXH			
	UBND xã Phú Lâm	H01.122				
638	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phú Lâm	H01.122.01	TTHCC			
639	Văn phòng HĐND và UBND	H01.122.02	VP			
640	Phòng Kinh tế	H01.122.03	PKT			
641	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.122.04	PVHXXH			
	UBND xã Mỹ Đức	H01.123	UXMĐ			
642	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mỹ Đức	H01.123.01	TTHCC			
643	Văn phòng HĐND và UBND	H01.123.02	VP			
644	Phòng Kinh tế	H01.123.03	PKT			
645	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.123.04	PVHXXH			
	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	H01.124				
646	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Thạnh Trung	H01.124.01	TTHCC			
647	Văn phòng HĐND và UBND	H01.124.02	VP			
648	Phòng Kinh tế	H01.124.03	PKT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
649	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.124.04	PVHXXH			
	UBND xã Châu Phú	H01.125	UXCP			
650	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Châu Phú	H01.125.01	TTHCC			
651	Văn phòng HĐND và UBND	H01.125.02	VP			
652	Phòng Kinh tế	H01.125.03	PKT			
653	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.125.04	PVHXXH			
	UBND xã Bình Mỹ	H01.126				
654	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Bình Mỹ	H01.126.01	TTHCC			
655	Văn phòng HĐND và UBND	H01.126.02	VP			
656	Phòng Kinh tế	H01.126.03	PKT			
657	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.126.04	PVHXXH			
	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	H01.127				
658	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Thạnh Mỹ Tây	H01.127.01	TTHCC			
659	Văn phòng HĐND và UBND	H01.127.02	VP			
660	Phòng Kinh tế	H01.127.03	PKT			
661	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.127.04	PVHXXH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	UBND phường Thới Sơn	H01.128				
662	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Thới Sơn	H01.128.01	TTHCC			
663	Văn phòng HĐND và UBND	H01.128.02	VP			
664	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.128.03	PKTHTVĐT			
665	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.128.04	PVHXH			
666	Mầm non Hoa Sen	H01.128.05	MNHS			
667	Mẫu giáo Anh Vũ	H01.128.06	MGAV			
668	Mầm non Nhơn Hưng	H01.128.07	MNNH			
669	Mẫu giáo Thới Sơn	H01.128.08	MGTS			
670	Tiểu học A Thới Sơn	H01.128.09	THATS			
671	Tiểu học B Thới Sơn	H01.128.10	THBTS			
672	Tiểu học B Nhà Bàng	H01.128.11	THBNB			
673	Tiểu học BT A Nhà Bàng	H01.128.12	THBANB			
674	Tiểu học C Nhà Bàng	H01.128.13	THCNB			
675	Tiểu học A Nhơn Hưng	H01.128.14	THANH			
676	Tiểu học B Nhơn Hưng	H01.128.15	THBNH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
677	THCS Lê Hồng Phong	H01.128.16	TLHP			
678	THCS Nguyễn Sinh Sắc	H01.128.17	TNSS			
679	THCS Đoàn Minh Huyền	H01.128.18	TĐMH			
680	PT DTNT THCS Tịnh Biên	H01.128.19	PTDTNTTB			
	UBND phường Tịnh Biên	H01.129				
681	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Tịnh Biên	H01.129.01	TTHCC			
682	Văn phòng HĐND và UBND	H01.129.02	VP			
683	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.129.03	PKTHTVĐT			
684	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.129.04	PVHXXH			
685	Mẫu giáo An Phú	H01.129.05	MGAP			
686	Mầm non Tuổi Ngọc	H01.129.06	MNTN			
687	Mẫu giáo Hòa Mi	H01.129.07	MGHM			
688	Mầm non Hướng Dương	H01.129.08	MNHD			
689	Mẫu giáo An Nông	H01.129.09	MGAN			
690	Tiểu học A An Phú	H01.129.10	THAAP			
691	Tiểu học B An Phú	H01.129.11	THBAP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
692	Tiểu học A Phường Tịnh Biên	H01.129.12	THAPTB			
693	Tiểu học B Phường Tịnh Biên	H01.129.13	THBPTB			
694	Tiểu học C phường Tịnh Biên	H01.129.14	THCPTB			
695	Tiểu học và THCS Trần Quang Khải	H01.129.15	THVTTQK			
696	THCS Nguyễn Văn Trỗi	H01.129.16	THCSNVT			
697	THCS Lương Thế Vinh	H01.129.17	THCSLTV			
	UBND xã An Cư	H01.130				
698	Trung tâm phục vụ hành chính công xã An Cư	H01.131.01	TTHCC			
699	Văn phòng HĐND và UBND	H01.131.02	VP			
700	Phòng Kinh tế	H01.131.03	PKT			
701	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.131.04	PVHXH			
702	Mẫu giáo An Cư	H01.131.05	MGAC			
703	Mẫu giáo Sơn Ca	H01.131.06	MGSC			
704	Mầm non Tuổi Thơ	H01.131.07	MNTT			
705	Mẫu giáo Văn Giáo	H01.131.08	MGVG			
706	Mầm non Hoa Lan	H01.131.09	MNHL			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
707	Tiểu học A An Cư	H01.131.10	THAAC			
708	Tiểu học B An Cư	H01.131.11	THBAC			
709	Tiểu học C An Cư	H01.131.12	THCAC			
710	Tiểu học D An Cư	H01.131.13	THDAC			
711	Tiểu học A Vĩnh Trung	H01.131.14	THAVT			
712	Tiểu học B Vĩnh Trung	H01.131.15	THBVT			
713	Tiểu học Văn Giáo	H01.131.16	THVG			
714	THCS Võ Trường Toản	H01.131.17	TVTT			
715	THCS Trần Đại Nghĩa	H01.131.18	THCSTĐN			
716	THCS Phan Bội Châu	H01.131.19	THCSPBC			
	UBND phường Chi Lăng	H01.131				
717	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Chi Lăng	H01.131.01	TTHCC			
718	Văn phòng HĐND và UBND	H01.131.02	VP			
719	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.131.03	PKTHTĐT			
720	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.131.04	PVHXH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
721	Mầm non Núi Voi	H01.131.05	MNNV			
722	Mẫu giáo Chi Lăng	H01.131.06	MGCL			
723	Mầm non Hoa Hồng	H01.131.07	MNHH			
724	Mẫu giáo Tân Lợi	H01.131.08	MGTL			
725	Mầm non Hoa Mai	H01.131.09	MNHM			
726	Tiểu học A Tân Lợi	H01.131.10	THATL			
727	Tiểu học B Tân Lợi	H01.131.11	THBTL			
728	Tiểu học C Tân Lợi	H01.131.12	THCTL			
729	Tiểu học A Phường Chi Lăng	H01.131.13	THAPCL			
730	Tiểu học B Phường Chi Lăng	H01.131.14	THBPCL			
731	Tiểu học Núi Voi	H01.131.15	THNV			
732	Tiểu học và THCS Phan Chu Trinh	H01.131.16	THVTPCT			
733	THCS Lê Văn Duyệt	H01.131.17	THCSLVD			
734	THCS Cao Bá Quát	H01.131.18	THCSCBQ			
	UBND xã Núi Cẩm	H01.132				
735	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Núi Cẩm	H01.132.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
736	Văn phòng HĐND và UBND	H01.132.02	VP			
737	Phòng Kinh tế	H01.132.03	PKT			
738	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.132.04	PVHXH			
739	Mẫu giáo Tân Lập	H01.132.05	MGTL			
740	Mẫu giáo An Hào	H01.132.06	MGAH			
741	Mầm non Ánh Dương	H01.132.07	MGAD			
742	Tiểu học A An Hào	H01.132.08	THAAH			
743	Tiểu học B An Hào	H01.132.09	THBAH			
744	Tiểu học C An Hào	H01.132.10	THCAH			
745	Tiểu học Tân Lập	H01.132.11	THTL			
746	THCS Ngô Quyền	H01.132.12	THCSNQ			
747	THCS Nguyễn Bình Khiêm	H01.132.13	THCSNBK			
748	THCS Núi Cấm	H01.132.14	THCSC			
	UBND xã Ba Chúc	H01.133				
749	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Ba Chúc	H01.133.01	TTHCC			
750	Văn phòng HĐND và UBND	H01.133.02	VP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
751	Phòng Kinh tế	H01.133.03	PKT			
752	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.133.04	PVHXXH			
	UBND xã Tri Tôn	H01.134				
753	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Tri Tôn	H01.134.01	TTHCC			
754	Văn phòng HĐND và UBND	H01.134.02	VP			
755	Phòng Kinh tế	H01.134.03	PKT			
756	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.134.04	PVHXXH			
	UBND xã Ô Lâm	H01.135	UXÔL			
757	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Ô Lâm	H01.135.01	TTHCC			
758	Văn phòng HĐND và UBND	H01.135.02	VP			
759	Phòng Kinh tế	H01.135.03	PKT			
760	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.135.04	PVHXXH			
	UBND xã Cô Tô	H01.136	UXCT			
761	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Cô Tô	H01.136.01	TTHCC			
762	Văn phòng HĐND và UBND	H01.136.02	VP			
763	Phòng Kinh tế	H01.136.03	PKT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
764	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.136.04	PVHXXH			
765	Mầm non Cô Tô	H01.136.05	MNCT			
766	Tiểu học A Cô Tô	H01.136.07	THACT			
767	Tiểu học B Cô Tô	H01.136.08	THBCT			
	UBND xã Vĩnh Gia	H01.137				
768	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Gia	H01.137.01	TTHCC			
769	Văn phòng HĐND và UBND	H01.137.02	VP			
770	Phòng Kinh tế	H01.137.03	PKT			
771	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.137.04	PVHXXH			
	UBND xã An Châu	H01.138				
772	Trung tâm phục vụ hành chính công xã An Châu	H01.138.01	TTHCC			
773	Văn phòng HĐND và UBND	H01.138.02	VP			
774	Phòng Kinh tế	H01.138.03	PKT			
775	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.138.04	PVHXXH			
	UBND xã Bình Hòa	H01.139				
776	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Bình Hòa	H01.139.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
777	Văn phòng HĐND và UBND	H01.139.02	VP			
778	Phòng Kinh tế	H01.139.03	PKT			
779	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.139.04	PVHXXH			
	UBND xã Cần Đăng	H01.140	UXCĐ			
780	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Cần Đăng	H01.140.01	TTHCC			
781	Văn phòng HĐND và UBND	H01.140.02	VP			
782	Phòng Kinh tế	H01.140.03	PKT			
783	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.140.04	PVHXXH			
	UBND xã Vĩnh Hanh	H01.141				
784	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Hanh	H01.141.01	TTHCC			
785	Văn phòng HĐND và UBND	H01.141.02	VP			
786	Phòng Kinh tế	H01.141.03	PKT			
787	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.141.04	PVHXXH			
	UBND xã Vĩnh An	H01.142				
788	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh An	H01.142.01	TTHCC			
789	Văn phòng HĐND và UBND	H01.142.02	VP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
790	Phòng Kinh tế	H01.142.03	PKT			
791	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.142.04	PVHXXH			
	UBND xã Cù Lao Giêng	H01.143				
792	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Cù Lao Giêng	H01.143.01	TTHCC			
793	Văn phòng HĐND và UBND	H01.143.02	VP			
794	Phòng Kinh tế	H01.143.03	PKT			
795	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.143.04	PVHXXH			
	UBND xã Hội An	H01.144				
796	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hội An	H01.144.01	TTHCC			
797	Văn phòng HĐND và UBND	H01.144.02	VP			
798	Phòng Kinh tế	H01.144.03	PKT			
799	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.144.04	PVHXXH			
	UBND xã Long Điền	H01.145				
800	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Long Điền	H01.145.01	TTHCC			
801	Văn phòng HĐND và UBND	H01.145.02	VP			
802	Phòng Kinh tế	H01.145.03	PKT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
803	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.145.04	PVHXXH			
	UBND xã Chợ Mới	H01.146				
804	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Chợ Mới	H01.146.01	TTHCC			
805	Văn phòng HĐND và UBND	H01.146.02	VP			
806	Phòng Kinh tế	H01.146.03	PKT			
807	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.146.04	PVHXXH			
	UBND xã Nhơn Mỹ	H01.147				
808	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Nhơn Mỹ	H01.147.01	TTHCC			
809	Văn phòng HĐND và UBND	H01.147.02	VP			
810	Phòng Kinh tế	H01.147.03	PKT			
811	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.147.04	PVHXXH			
	UBND xã Long Kiến	H01.148				
812	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Long Kiến	H01.148.01	TTPVHCCXLK			
813	Văn phòng HĐND và UBND	H01.148.02	VPHVU			
814	Phòng Kinh tế	H01.148.03	PKT			
815	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.148.04	PVH-XXH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	UBND xã Thoại Sơn	H01.149	UXTS			
816	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Thoại Sơn	H01.149.01	TTHCC			
817	Văn phòng HĐND và UBND	H01.149.02	VP			
818	Phòng Kinh tế	H01.149.03	PKT			
819	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.149.04	PVHXXH			
	UBND xã Óc Eo	H01.150				
820	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Óc Eo	H01.150.01	TTHCC			
821	Văn phòng HĐND và UBND	H01.150.02	VP			
822	Phòng Kinh tế	H01.150.03	PKT			
823	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.150.04	PVHXXH			
	UBND xã Định Mỹ	H01.151	UXĐM			
824	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Định Mỹ	H01.151.01	TTHCC			
825	Văn phòng HĐND và UBND	H01.151.02	VP			
826	Phòng Kinh tế	H01.151.03	PKT			
827	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.151.04	PVHXXH			
	UBND xã Phú Hòa	H01.152				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
828	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phú Hòa	H01.152.01	TTHCC			
829	Văn phòng HĐND và UBND	H01.152.02	VP			
830	Phòng Kinh tế	H01.152.03	PKT			
831	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.152.04	PVHXXH			
	UBND xã Vĩnh Trạch	H01.153				
832	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Trạch	H01.153.01	TTHCC			
833	Văn phòng HĐND và UBND	H01.153.02	VP			
834	Phòng Kinh tế	H01.153.03	PKT			
835	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.153.04	PVHXXH			
	UBND xã Tây Phú	H01.154				
836	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Tây Phú	H01.154.01	TTHCC			
837	Văn phòng HĐND và UBND	H01.154.02	VP			
838	Phòng Kinh tế	H01.154.03	PKT			
839	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.154.04	PVHXXH			
	UBND phường Rạch Giá	H01.155				
840	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.155.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
841	Văn phòng HĐND và UBND	H01.155.02	VP			
842	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.155.03	PKTHTVĐT			
843	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.155.04	PVHXH			
844	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.155.05	TTVHTTTT			
845	Ban Quản lý dự án	H01.155.06	BQLDA			
846	Ban Quản lý Trung tâm thương mại và trật tự đô thị	H01.155.07	BQLTTTMTTĐT			
	UBND phường Vĩnh Thông	H01.156				
847	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.156.01	TTHCC			
848	Văn phòng HĐND và UBND	H01.156.02	VP			
849	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.156.03	PKTHTVĐT			
850	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.156.04	PVHXH			
851	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.156.05	TTVHTTVTT			
852	Ban Quản lý dự án	H01.156.06	BQLDA			
	UBND phường Hà Tiên	H01.157				
853	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.157.01	TTHCC			
854	Văn phòng HĐND và UBND	H01.157.02	VP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
855	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.157.03	PKTHTVĐT			
856	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.157.04	PVHXXH			
857	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.157.05	TTVHTTVTT			
	UBND phường Tô Châu	H01.158	PTC			
858	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.158.01	TTHCC			
859	Văn phòng HĐND và UBND	H01.158.02	VP			
860	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	H01.158.03	PKTHTĐT			
861	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.158.04	PVHXXH			
862	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.158.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Tiên Hải	H01.159				
863	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.159.01	TTHCC			
864	Văn phòng HĐND và UBND	H01.159.02	VP			
865	Phòng Kinh tế - Xã hội	H01.159.03	PKTXH			
866	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.159.04	TTVHTTTT			
	UBND xã Kiên Lương	H01.160				
867	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.160.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
868	Văn phòng HĐND và UBND	H01.160.02	VP			
869	Phòng Kinh tế	H01.160.03	PKT			
870	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.160.04	PVHXXH			
871	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.160.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Hòa Điền	H01.161				
872	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.161.01	TTHCC			
873	Văn phòng HĐND và UBND	H01.161.02	VP			
874	Phòng Kinh tế	H01.161.03	PKT			
875	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.161.04	PVHXXH			
876	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.161.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Sơn Hải	H01.162	XSH			
877	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.162.01	TTPVHCC			
878	Văn phòng HĐND và UBND	H01.162.02	VPHVU			
879	Phòng Kinh tế - Xã hội	H01.162.03	PKTXH			
880	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.162.04	TTVHTTTT			
	UBND xã Hòn Nghệ	H01.163				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
881	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.163.01	TTHCC			
882	Văn phòng HĐND và UBND	H01.163.02	VP			
883	Phòng Kinh tế - Xã hội	H01.163.03	PKTXH			
884	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.163.04	TTVHTTTT			
	UBND xã Hòn Đất	H01.164				
885	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.164.01	TTHCC			
886	Văn phòng HĐND và UBND	H01.164.02	VP			
887	Phòng Kinh tế	H01.164.03	PKT			
888	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.164.04	PVHXXH			
889	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.164.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Sơn Kiên	H01.165				
890	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.165.01	TTHCC			
891	Văn phòng HĐND và UBND	H01.165.02	VP			
892	Phòng Kinh tế	H01.165.03	PKT			
893	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.165.04	PVHXXH			
894	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.165.05	TTVHTTVTT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	UBND xã Mỹ Thuận	H01.166				
895	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.166.01	TTHCC			
896	Văn phòng HĐND và UBND	H01.166.02	VP			
897	Phòng Kinh tế	H01.166.03	PKT			
898	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.166.04	PVHXXH			
899	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.166.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Bình Sơn	H01.167				
900	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.167.01	TTHCC			
901	Văn phòng HĐND và UBND	H01.167.02	VP			
902	Phòng Kinh tế	H01.167.03	PKT			
903	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.167.04	PVHXXH			
904	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.167.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Bình Giang	H01.168				
905	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.168.01	TTHCC			
906	Văn phòng HĐND và UBND	H01.168.02	VP			
907	Phòng Kinh tế	H01.168.03	PKT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
908	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.168.04	PVHXXH			
909	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.168.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Châu Thành	H01.169				
910	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.169.01	TTHCC			
911	Văn phòng HĐND và UBND	H01.169.02	VP			
912	Phòng Kinh tế	H01.169.03	PKT			
913	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.169.04	PVHXXH			
914	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.169.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Bình An	H01.170				
915	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.170.01	TTHCC			
916	Văn phòng HĐND và UBND	H01.170.02	VP			
917	Phòng Kinh tế	H01.170.03	PKT			
918	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.170.04	PVHXXH			
919	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.170.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Thạnh Lộc	H01.171				
920	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.171.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
921	Văn phòng HĐND và UBND	H01.171.02	VP			
922	Phòng Kinh tế	H01.171.03	PKT			
923	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.171.04	PVHXH			
924	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.171.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Tân Hiệp	H01.172				
925	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.172.01	TTHCC			
926	Văn phòng HĐND và UBND	H01.172.02	VP			
927	Phòng Kinh tế	H01.172.03	PKT			
928	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.172.04	PVHXH			
929	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.172.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Thạnh Đông	H01.173				
930	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.173.01	TTHCC			
931	Văn phòng HĐND và UBND	H01.173.02	VP			
932	Phòng Kinh tế	H01.173.03	PKT			
933	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.173.04	PVHXH			
934	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.173.05	TTVHTTTT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	UBND xã Tân Hội	H01.174				
935	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.174.01	TTHCC			
936	Văn phòng HĐND và UBND	H01.174.02	VP			
937	Phòng Kinh tế	H01.174.03	PKT			
938	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.174.04	PVHXXH			
939	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.174.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Giồng Riềng	H01.175				
940	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.175.01	TTHCC			
941	Văn phòng HĐND và UBND	H01.175.02	VP			
942	Phòng Kinh tế	H01.175.03	PKT			
943	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.175.04	PVHXXH			
944	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.175.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Thạnh Hưng	H01.176				
945	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.176.01	TTHCC			
946	Văn phòng HĐND và UBND	H01.176.02	VP			
947	Phòng Kinh tế	H01.176.03	PKT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
948	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.176.04	PVHXXH			
949	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.176.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Long Thạnh	H01.177				
950	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.177.01	TTHCC			
951	Văn phòng HĐND và UBND	H01.177.02	VP			
952	Phòng Kinh tế	H01.177.03	PKT			
953	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.177.04	PVHXXH			
954	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.177.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Hòa Hưng	H01.178	XHH			
955	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.178.01	TTHCC			
956	Văn phòng HĐND và UBND	H01.178.02	VP			
957	Phòng Kinh tế	H01.178.03	PKT			
958	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.178.04	PVHXXH			
959	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.178.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Ngọc Chúc	H01.179				
960	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.179.01	TTHCC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
961	Văn phòng HĐND và UBND	H01.179.02	VP			
962	Phòng Kinh tế	H01.179.03	PKT			
963	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.179.04	PVHXXH			
964	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.179.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Hòa Thuận	H01.180				
965	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.180.01	TTHCC			
966	Văn phòng HĐND và UBND	H01.180.02	VP			
967	Phòng Kinh tế	H01.180.03	PKT			
968	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.180.04	PVHXXH			
969	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.180.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Gò Quao	H01.181				
970	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.181.01	TTHCC			
971	Văn phòng HĐND và UBND	H01.181.02	VP			
972	Phòng Kinh tế	H01.181.03	PKT			
973	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.181.04	PVHXXH			
974	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.181.05	TTVHTTTT			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
975	Ban Quản lý chợ	H01.181.06	BQLC			
	UBND xã Định Hòa	H01.182				
976	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.182.01	TTHCC			
977	Văn phòng HĐND và UBND	H01.182.02	VP			
978	Phòng Kinh tế	H01.182.03	PKT			
979	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.182.04	PVHXXH			
980	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.182.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	H01.183				
981	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.183.01	TTHCC			
982	Văn phòng HĐND và UBND	H01.183.02	VP			
983	Phòng Kinh tế	H01.183.03	PKT			
984	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.183.04	PVHXXH			
985	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.183.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Vĩnh Tuy	H01.184				
986	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.184.01	TTHCC			
987	Văn phòng HĐND và UBND	H01.184.02	VP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
988	Phòng Kinh tế	H01.184.03	PKT			
989	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.184.04	PVHXXH			
990	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.184.05	TTVHTTTT			
	UBND xã An Biên	H01.185				
991	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.185.01	TTHCC			
992	Văn phòng HĐND và UBND	H01.185.02	VP			
993	Phòng Kinh tế	H01.185.03	PKT			
994	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.185.04	PVHXXH			
995	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.185.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Tây Yên	H01.186				
996	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.186.01	TTHCC			
997	Văn phòng HĐND và UBND	H01.186.02	VP			
998	Phòng Kinh tế	H01.186.03	PKT			
999	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.186.04	PVHXXH			
1000	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.186.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Đông Thái	H01.187				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1001	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.187.01	TTHCC			
1002	Văn phòng HĐND và UBND	H01.187.02	VP			
1003	Phòng Kinh tế	H01.187.03	PKT			
1004	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.187.04	PVHXXH			
1005	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.187.05	TTVHTTTT			
	UBND xã An Minh	H01.188				
1006	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.188.01	TTHCC			
1007	Văn phòng HĐND và UBND	H01.188.02	VP			
1008	Phòng Kinh tế	H01.188.03	PKT			
1009	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.188.04	PVHXXH			
1010	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.188.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Đông Hòa	H01.189				
1011	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.189.01	TTHCC			
1012	Văn phòng HĐND và UBND	H01.189.02	VP			
1013	Phòng Kinh tế	H01.189.03	PKT			
1014	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.189.04	PVHXXH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1015	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.189.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Tân Thạnh	H01.190				
1016	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.190.01	TTHCC			
1017	Văn phòng HĐND và UBND	H01.190.02	VP			
1018	Phòng Kinh tế	H01.190.03	PKT			
1019	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.190.04	PVHXXH			
1020	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.190.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Đông Hưng	H01.191				
1021	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.191.01	TTHCC			
1022	Văn phòng HĐND và UBND	H01.191.02	VP			
1023	Phòng Kinh tế	H01.191.03	PKT			
1024	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.191.04	PVHXXH			
1025	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.191.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Vân Khánh	H01.192	XVK			
1026	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.192.01	TTHCC			
1027	Văn phòng HĐND và UBND	H01.192.02	VP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1028	Phòng Kinh tế	H01.192.03	PKT			
1029	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.192.04	PVHXXH			
1030	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.192.05	TTVHTTTT			
	UBND xã U Minh Thượng	H01.193				
1031	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.193.01	TTHCC			
1032	Văn phòng HĐND và UBND	H01.193.02	VP			
1033	Phòng Kinh tế	H01.193.03	PKT			
1034	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.193.04	PVHXXH			
1035	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.193.5	TTVHTTTT			
	UBND xã Vĩnh Hòa	H01.194	XVH			
1036	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.194.01	TTPVHCC			
1037	Văn phòng HĐND và UBND	H01.194.02	VPHVU			
1038	Phòng Kinh tế	H01.194.03	PKT			
1039	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.194.04	PVH-XXH			
1040	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.194.05	TTVHTTVTT			
	UBND xã Vĩnh Thuận	H01.195				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1041	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.195.01	TTHCC			
1042	Văn phòng HĐND và UBND	H01.195.02	VP			
1043	Phòng Kinh tế	H01.195.03	PKT			
1044	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.195.04	PVHXXH			
1045	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.195.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Vĩnh Bình	H01.196				
1046	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.196.01	TTHCC			
1047	Văn phòng HĐND và UBND	H01.196.02	VP			
1048	Phòng Kinh tế	H01.196.03	PKT			
1049	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.196.04	PVHXXH			
1050	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.196.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Vĩnh Phong	H01.197				
1051	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.197.01	TTHCC			
1052	Văn phòng HĐND và UBND	H01.197.02	VP			
1053	Phòng Kinh tế	H01.197.03	PKT			
1054	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.197.04	PVHXXH			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1055	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.197.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Giang Thành	H01.198				
1056	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.198.01	TTHCC			
1057	Văn phòng HĐND và UBND	H01.198.02	VP			
1058	Phòng Kinh tế	H01.198.03	PKT			
1059	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.198.04	PVHXXH			
1060	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.198.05	TTVHTTTT			
	UBND xã Vĩnh Điều	H01.199				
1061	Trung tâm phục vụ hành chính công	H01.199.01	TTHCC			
1062	Văn phòng HĐND và UBND	H01.199.02	VP			
1063	Phòng Kinh tế	H01.199.03	PKT			
1064	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.199.04	PVHXXH			
1065	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.199.05	TTVHTTTT			
	Đặc khu Kiên Hải	H01.200				
1066	Trung tâm Phục vụ hành chính công Đặc khu Kiên Hải	H01.200.01	TTHCC			
1067	Văn phòng HĐND và UBND	H01.200.02	VP			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1068	Phòng Kinh tế	H01.200.03	PKT			
1069	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.200.04	PVHXXH			
1070	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.200.05	TTVHTTTT			
1071	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	H01.200.06	BQLDAĐTXD			
	Đặc khu Phú Quốc	H01.201				
1072	Trung tâm Phục vụ hành chính công Đặc khu Phú Quốc	H01.201.01	TTHCC			
1073	Văn phòng HĐND và UBND	H01.201.02	VP			
1074	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.	H01.201.03	PKTHTĐT			
1075	Phòng Văn hóa - Xã hội	H01.201.04	PVH-XXH			
1076	Phòng Tài chính - Kế hoạch	H01.201.05	PTCKH			
1077	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.201.06	TTVHTTTT			
1078	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Phú Quốc.	H01.201.07 (mã tạm)	BQLDAPQ			
1079	Ban Quản lý Công trình đô thị.	H01.201.08 (mã tạm)	BQLCTĐTPQ			
1080	Đội Kiểm tra trật tự đô thị.	H01.201.09 (mã tạm)	ĐKTTTĐTPQ			
1081	Ban Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư.	H01.201.10 (mã tạm)	BBTTĐC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1082	Đoạn Quản lý đường bộ.	H01.201.11 (mã tạm)	ĐQLĐB			
1083	Trường Mầm non Dương Đông.	H01.201.12 (mã tạm)	MNDĐ			
1084	Trường Mầm non Cửa Dương.	H01.201.13 (mã tạm)	MNCD			
1085	Trường Mầm non Cửa Cạn.	H01.201.14 (mã tạm)	MNCC			
1086	Trường Mầm non Gành Dầu.	H01.201.15 (mã tạm)	MNGD			
1087	Trường Mầm non Bãi Thơm.	H01.201.16 (mã tạm)	MNBT			
1088	Trường Mầm non Hàm Ninh.	H01.201.17 (mã tạm)	MNHN			
1089	Trường Mầm non Hồ Thị Nghiệm.	H01.201.18 (mã tạm)	MNHTN			
1090	Trường Mầm non An Thới.	H01.201.19 (mã tạm)	MNAT			
1091	Trường Tiểu học Dương Đông 1.	H01.201.20 (mã tạm)	THDĐ1			
1092	Trường Tiểu học Dương Đông 2.	H01.201.21 (mã tạm)	THDĐ2			
1093	Trường Tiểu học Dương Đông 3.	H01.201.22 (mã tạm)	THDĐ3			
1094	Trường Tiểu học Dương Đông 4.	H01.201.23 (mã tạm)	THDĐ4			
1095	Trường Tiểu học Cửa Dương 1.	H01.201.24 (mã tạm)	THCD1			
1096	Trường Tiểu học Cửa Dương 2.	H01.201.25 (mã tạm)	THCD2			
1097	Trường Tiểu học Dương Tơ 1.	H01.201.26 (mã tạm)	THDT1			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1098	Trường Tiểu học Dương Tơ 2.	H01.201.27 (mã tạm)	THDT2			
1099	Trường Tiểu học An Thới 1.	H01.201.28 (mã tạm)	THAT1			
1100	Trường Tiểu học An Thới 2.	H01.201.29 (mã tạm)	THAT2			
1101	Trường Tiểu học An Thới 3.	H01.201.30 (mã tạm)	THAT3			
1102	Trường Trung học cơ sở Dương Đông 1.	H01.201.31 (mã tạm)	THCSDĐ1			
1103	Trường Trung học cơ sở Dương Đông 2	H01.201.32 (mã tạm)	THCSDĐ2			
1104	Trường Trung học cơ sở Dương Tơ.	H01.201.33 (mã tạm)	THCSDT			
1105	Trường Trung học cơ sở An Thới 1.	H01.201.34 (mã tạm)	THCSAT1			
1106	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cửa Dương.	H01.201.35 (mã tạm)	THTHCSCD			
1107	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cửa Cạn.	H01.201.36 (mã tạm)	THTHCSCC			
1108	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Gành Dầu.	H01.201.37 (mã tạm)	THTHCSGD			
1109	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bãi Thơm.	H01.201.38 (mã tạm)	THTHCSBT			
1110	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hàm Ninh.	H01.201.39 (mã tạm)	THTHCSHN			
1111	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thới 2.	H01.201.40 (mã tạm)	THTHCSAT2			
1112	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bãi	H01.201.41 (mã tạm)	THTHCSBB			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
	Bón.					
1113	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực.	H01.201.42 (mã tạm)	THTHCSNTT			
	Đặc khu Thổ Châu	H01.202				
1114	Trung tâm phục vụ hành chính công Đặc khu Thổ Châu	H01.202.01	TTHCC			
1115	Văn phòng HĐND và UBND	H01.202.02	VP			
1116	Phòng Kinh tế - Xã hội	H01.202.03	PKTXH			
1117	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh	H01.202.04	TTVHTTTT			
	VIII. Đơn vị trực thuộc cơ quan thuộc Sở, ban ngành					
	Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương tỉnh An Giang	H01.06.02				
1118	Đội Quản lý thị trường số 1	H01.06.02.01	ĐQLTT1			
1119	Đội Quản lý thị trường số 2	H01.06.02.02	ĐQLTT2			
1120	Đội Quản lý thị trường số 3	H01.06.02.03	ĐQLTT3			
1121	Đội Quản lý thị trường số 4	H01.06.02.04	ĐQLTT4			
1122	Đội Quản lý thị trường số 5	H01.06.02.05	ĐQLTT5			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1123	Đội Quản lý thị trường số 6	H01.06.02.06	ĐQLTT6			
1124	Đội Quản lý thị trường số 7	H01.06.02.07	ĐQLTT7			
1125	Đội Quản lý thị trường số 8	H01.06.02.08	ĐQLTT8			
1126	Đội Quản lý thị trường số 9	H01.06.02.09	ĐQLTT9			
1127	Đội Quản lý thị trường số 10	H01.06.02.10	ĐQLTT10			
1128	Đội Quản lý thị trường số 11	H01.06.02.11	ĐQLTT11			
1129	Đội Quản lý thị trường số 12	H01.06.02.12	ĐQLTT12			
	Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang	H01.03.11				
1130	VPĐK đất đai chi nhánh đặc khu Phú Quốc	H01.03.11.01	VPĐKĐPQ			
1131	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Tri Tôn	H01.03.11.02	VPĐKTT			
1132	VPĐK đất đai chi nhánh đặc khu Kiên Hải	H01.03.11.03	VPĐKĐKH			
1133	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên phường Rạch Giá	H01.03.11.04	VPĐKĐRG			
1134	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã, phường Hà Tiên	H01.03.11.05	VPĐKĐHT			
1135	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã An Biên	H01.03.11.06	VPĐKĐAB			
1136	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã An Minh	H01.03.11.07	VPĐKĐAM			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1137	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Châu Thành	H01.03.11.08	VPĐKĐCT			
1138	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã U Minh Thượng	H01.03.11.09	VPĐKĐUMT			
1139	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Vĩnh Thuận	H01.03.11.10	VPĐKĐVT			
1140	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Gò Quao	H01.03.11.11	VPĐKĐGQ			
1141	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Giồng Riềng	H01.03.11.12	VPĐKĐGR			
1142	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Tân Hiệp	H01.03.11.13	VPĐKĐTH			
1143	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Hòn Đất	H01.03.11.14	VPĐKĐHĐ			
1144	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Kiên Lương	H01.03.11.15	VPĐKĐKL			
1145	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Giang Thành	H01.03.11.16	VPĐKĐGT			
1146	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã, phường Long Xuyên	H01.03.11.17	VPĐKĐLX			
1147	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên phường Châu Đốc	H01.03.11.18	VPĐKĐCĐ			
1148	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã An Phú	H01.03.11.19	VPĐKĐAP			
1149	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Châu Phú	H01.03.11.20	VPĐKĐCP			
1150	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã An Châu	H01.03.11.21	VPĐKĐAC			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Ký hiệu văn bản cơ quan/tổ chức	Ký hiệu bộ phận/đơn vị (phòng hoặc bộ phận, lĩnh vực)	Mã định danh tài liệu/văn bản	Mã định danh hồ sơ
1151	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Chợ Mới	H01.03.11.22	VPĐKĐCM			
1152	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Phú Tân	H01.03.11.23	VPĐKĐPT			
1153	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã, phường Tân Châu	H01.03.11.24	VPĐKĐTC			
1154	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã Thoại Sơn	H01.03.11.25	VPĐKĐTS			
1155	VPĐK đất đai chi nhánh khu vực liên xã, phường Tịnh Biên	H01.03.11.26	VPĐKĐTB			